

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HS-PT
Ngày 25 - 3 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thường

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

Ông Võ Công Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trang là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2021/TLPT-HS ngày 08 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo Dương Thanh N và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 120/2020/HS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Dương Thanh N (Tên gọi khác: Dĩnh) - Sinh ngày: 04/10/1995 tại thành phố Q, tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Thôn N, xã N, thành phố Q, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn T - Sinh năm: 1961 và bà Trương Thị L (Chết); vợ: R - Sinh năm: 2000; con: Có 01 con sinh năm 2019; tiền án: Ngày 26/10/2017, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xử phạt 09 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; tiền sự: Ngày 05/11/2018, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định xử phạt hành chính 2.500.000 đồng về hành vi xâm hại sức khỏe người khác; nhân thân: Ngày 14/11/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, đã chấp hành xong bản án vào ngày 30/8/2013 và ngày 30/5/2019, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định xử phạt hành chính 18.000.000 đồng về hành vi “Mua, tàng trữ vũ khí thể thao”; bị bắt tạm giam từ ngày 13/4/2019 đến ngày 09/9/2019 được thay thế bằng biện pháp cho bảo lãnh. Có mặt.

2. Nguyễn Xuân K (Tên gọi khác: Muối) - Sinh ngày: 20/01/1999 tại huyện P, tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Thôn G, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Xuân A - Sinh năm: 1975 và bà: Nguyễn Thị T Đ - Sinh năm: 1978; vợ, con: Chưa có; tiền án: Ngày 22/9/2017, bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Định xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 13/4/2019 đến ngày 09/9/2019 được thay thế bằng biện pháp cho bảo lãnh. Có mặt.

3. Phạm Trương Đại T (Tên gọi khác: Trọc) - Sinh ngày: 30/7/1996 tại thành phố Q, tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Tổ 29A, khu vực 6, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc H (Chết) và bà Trương Thị T - Sinh năm: 1968; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Ngoài ra, còn có các bị cáo Nguyễn Như Thùy T, Trần Hưng H, Đỗ Thanh L, Phan Lâm Đ, Trần Minh Tr và Nguyễn Duy P không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Hưng H và Dương Thanh N quen biết nhau do trước đây cùng phạm tội và cùng chấp hành án tại Trại giam Kim Sơn. Sau khi chấp hành án về, H có cho một số nữ làm tiếp viên karaoke vay tiền rồi giao cho N quản lý và thu hồi nợ. Đầu tháng 10/2018, chị Trần Hồng T làm tiếp viên karaoke dưới sự quản lý của N có vay của vợ chồng H nhiều lần với tổng số tiền 18.000.000 đồng nhưng vợ chồng H không trực tiếp cho vay mà đưa tiền cho N để cho chị Hồng T vay. Đến đầu tháng 3/2019, do không có tiền trả nợ nên chị Hồng T bỏ trốn ra thành phố Đà Nẵng sinh sống. N và vợ chồng H đã tìm chị Hồng T để đòi nợ nhưng không được. Giữa tháng 3/2019, chị Hồng T quay về lại thành phố Q làm tiếp viên karaoke và thuê trọ tại tổ 2, khu vực 2, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Ngày 07/4/2019, biết N và vợ chồng H vẫn đang tìm chị Hồng T nên Nguyễn Văn S (Quen biết với vợ chồng H) điện thoại nói cho N biết thông tin về chỗ ở của chị Hồng T. Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 08/4/2019, S điện thoại báo cho Nguyễn Như Thùy T rồi tiếp tục điện thoại cho N chỉ chỗ ở của chị Hồng T tại phường N. Sau khi nghe S báo tin, Thùy T gọi điện qua tài khoản Zalo bảo N gọi thêm người đi bắt chị Hồng T đưa về nhà Thùy T để đòi nợ. Sau đó, N liên lạc với S để hỏi rõ vị trí của chị Hồng T ở. Sau khi có được thông tin, N gọi điện thoại rủ thêm Phan Lâm Đ, Nguyễn Duy P nhưng do Đ, P đang đi xe khách từ Hoài Nhơn về Q nên N hẹn gặp ở cầu Sông Ngang rồi cùng đi, Đ và P đồng ý. N tiếp tục điện thoại rủ Nguyễn Xuân K, Đỗ Thanh L cùng đi và cả hai đồng ý. L có rủ thêm Phạm Trương Đại T cùng đi bắt chị Hồng T. K điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius mang

biển kiểm soát 77X4-23XX chở N; T điều khiển xe Exciter của L (Chưa rõ biển số) chở L. Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 08/4/2019, S cùng chị Hồng T và một số bạn bè đến ăn bánh bèo tại gần phòng trọ của chị Hồng T. Sang tiếp tục báo vị trí đề N cùng đồng bọn tìm đến. Khi nhóm N đến, thấy chị Hồng T đang ngồi ăn cùng S và chị Nguyễn Thị Thúy D trong quán bánh bèo nên cả nhóm tập vào không chế, bắt chị Hồng T. N xông đến dùng tay đánh và yêu cầu chị Hồng T lên xe đi cùng nhóm N. Chị Hồng T không đồng ý nên bị N nắm tóc lôi kéo, ôm chị Hồng T đưa lên xe Exciter để T điều khiển chở; còn N ngồi sau nắm tóc, ôm giữ, không chế chị Hồng T. Cả nhóm chở chị Hồng T về nhà của Trần Hưng H tại tổ 58, khu vực 8, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Cùng lúc đó, Đ và P về đến cầu Long Vân, thành phố Q nên Đ gọi điện cho N hỏi thì được biết nhóm N đã bắt giữ được chị Hồng T đang chở về nhà H. Đ cùng P đi xe máy đến nhà H. Khi nhóm N về đến nhà H thì gặp H đang ngồi nhậu cùng Tĩnh, Hào, Đốc (chưa rõ lai lịch) ở sân trước. H, N, K, L, T đưa chị Hồng T ra phía sau nhà, trước phòng ngủ của H. Lúc này, N nói cho H biết việc N cùng đồng bọn vừa bắt chị Hồng T tại phường N. H liền chửi và dùng tay đánh chị Hồng T tới tấp để buộc trả nợ. T thấy H đánh chị Hồng T nhiều nên can ngăn thì bị H chửi và tát vào mặt rồi đuổi lên trước nhà. H, N, K, L tiếp tục giữ chị Hồng T buộc trả nợ. H lấy thau nhựa đánh chị Hồng T làm vỡ thau nên lấy tiếp một cây rựa ở phòng bếp dọa cắt tay chị Hồng T buộc trả nợ. Cùng lúc này, Nguyễn Như Thùy T vừa về nhà thấy sự việc nên cùng L can ngăn và lấy rựa vứt đi. H tiếp tục la chửi, bắt chị Hồng T vào trong phòng ăn ngồi trên ghế nhựa để H, Thùy T, N, K, L la chửi rồi H, N, L dùng tay chân đánh chị Hồng T để buộc phải trả nợ. Lúc này, Đ và P về đến nhà H, vào đứng trước cửa phòng ăn thì thấy và nghe N kể lại chuyện nhóm N vừa bắt được chị Hồng T đem về nhà H giữ để đòi nợ thì Đ cũng hứa theo chửi mắng chị Hồng T, còn P ra trước sân nhậu. H, N, K, Thùy T, Đ tiếp tục giữ chị Hồng T tại phòng ăn buộc trả nợ. Thấy nhóm H hung hãn nên chị Hồng T giả vờ mượn điện thoại để gọi bạn đem tiền đến trả nợ giúp cho chị Hồng T. H tưởng thật nên đưa điện thoại của H, gần sim 09019521XX để chị Hồng T gọi cho bạn. Chị Hồng T lên gọi điện cho cha ruột là ông Trần B báo tin đang bị nhóm H bắt, giữ, đánh để đòi nợ và cầu cứu ông B. Thùy T phát hiện nên lấy lại điện thoại rồi chửi và đánh chị Hồng T. Khi đó, T có việc nên gọi L cùng đi về nhà trước. H bảo N buộc chị Hồng T viết giấy vay tiền rồi bỏ lên sân trước nhậu. Thùy T lấy một mẫu giấy vay tiền in sẵn tên người cho vay là Huỳnh Ngô M, một bút bi màu xanh đưa cho K và bảo phải buộc chị Hồng T viết giấy nhận vay số tiền 50.000.000 đồng rồi bỏ về phòng. N bảo Đ lên sân trước nhậu rồi bảo K ở lại phòng ăn canh giữ và hướng dẫn, buộc chị Hồng T viết giấy nhận vay tiền theo yêu cầu của vợ chồng H rồi ra trước sân nhậu. Khoảng 05 phút sau, N quay lại phòng ăn thì chị Hồng T cũng vừa viết xong giấy vay tiền nên K lấy đưa N xem. N cầm lên sân trước để H xem lại nội dung giấy vay tiền. H đồng ý với nội dung chị Hồng T đã ghi rồi bảo N cùng K đưa lại giấy vay tiền cho chị Hồng T giả vờ vừa viết, vừa đọc nội dung ghi để dùng điện thoại quay video rồi bảo N đưa chị Hồng T đến nơi khác giữ. N quay lại phòng ăn rồi cùng K thực hiện theo yêu cầu của H. Khi đó, Thùy T cũng vừa quay

lại phòng ăn nhìn thấy nên buộc chị Hồng T thực hiện theo yêu cầu của N, K. Sau khi N dùng điện thoại Samsung Glalaxy S8 của mình quay video xong thì bảo K dẫn chị Hồng T chở về phòng trọ của N để canh giữ. K lấy xe Sirius mang biển kiểm soát 77X4-23XX chở chị Hồng T ngồi giữa rồi bảo Đ đi cùng ngồi sau giữ chị Hồng T. Khi cả hai vừa chở chị Hồng T đi, N đưa lại giấy vay tiền cho H cất giữ rồi điện thoại cho Anh (chưa rõ lai lịch) hẹn gặp trước nhà hàng Sáu Cao 2 ở đường Võ Nguyên Giáp để chuộc lại xe mô tô Sirius mang biển kiểm soát 77L1-258.XX của Trần Minh Tr đã cầm cố cho Anh trước đó và rủ P đi cùng đến chỗ Anh để giúp chạy xe về. N lái xe Honda AirBlade mang biển kiểm soát 77L1-470.XX chở P đi. Trên đường, N sợ đưa chị Hồng T về phòng trọ canh giữ sẽ bị Công an phát hiện nên điện thoại bảo Đ, K chở chị Hồng T đến cầu Hà Thanh 5, thành phố Q đợi. Sau đó, N chở P đến gặp Anh chuộc lại xe Yamaha Sirius mang biển kiểm soát 77L1-258.XX rồi giao xe cho P điều khiển. Lúc này, N rủ P cùng ra cầu Hà Thanh 5 để nhậu, P đồng ý. Khi cả hai đến nơi thì gặp Đ, K đang giữ chị Hồng T đứng đợi ven đường. N bảo Đ, K chở chị Hồng T và P chạy theo N vào đường đất gần đó và đi được khoảng 20m thì cả nhóm dừng lại. N giao xe Honda AirBlade mang biển kiểm soát 77L1-470.XX cho Đ rồi bảo Đ, K đi về trước. N buộc chị Hồng T đi vào nhà canh địa tôm của bà Nguyễn Thị Y (là mẹ nuôi của N) ở tổ 33, khu vực 4, phường NB, thành phố Q để tiếp tục canh giữ, đòi nợ. N rủ P đi cùng vào. Do trời tối, đường nhỏ, khó đi nên N đi trước dùng điện thoại rọi đường, chị Hồng T theo sát phía sau N, còn P đi sau cùng cũng dùng điện thoại rọi đường để hỗ trợ N đưa chị Hồng T vào.

Sau khi chị Hồng T điện thoại cầu cứu, ông B sợ chị Hồng T gặp nguy hiểm nên điện thoại lại số 09019521XX thì gặp H. Ông B muốn gặp H thương lượng trả nợ nên H chỉ đường đến nhà H cho ông B biết. Ông B mang theo 5.000.000 đồng và nhờ anh Trần Quốc V đi cùng đến nhà H thì gặp vợ chồng H cùng Tĩnh, Hào, Đốc đang ngồi nhậu tại sân trước. Ông B giới thiệu là cha của chị Hồng T rồi hỏi về số tiền chị Hồng T nợ thì H cho biết chị Hồng T nợ vợ chồng H 50.000.000 đồng và bảo Thùy T đưa giấy vay tiền mà nhóm H đã buộc chị Hồng T viết trước đó cho ông B xem. H còn gọi điện bảo N gửi đoạn video mà N đã quay lại khi chị Hồng T viết giấy vay tiền qua điện thoại của H rồi H đưa cho ông B xem. Biết chị Hồng T đang bị nhóm H giữ và sợ chị Hồng T gặp nguy hiểm nên ông B xin trả trước cho H 5.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ trả dần hàng tháng từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng và xin H cùng đồng bọn thả chị Hồng T về. H không đồng ý và buộc ông B phải trả đủ 50.000.000 đồng mới đồng ý thả chị Hồng T. Lúc này, ông B cho biết hiện không có đủ tiền và năn nỉ thì H buộc ông B phải trả trước $\frac{1}{2}$ số tiền nợ, còn lại thì trả dần. Do không có đủ tiền nên ông B tiếp tục năn nỉ nhưng H nhất quyết không chịu nên ông B và anh V ra về.

Sau khi N, P đưa chị Hồng T vào chòi của bà Y để canh giữ thì N điện thoại bảo K mua bia đem đến nhậu. Trong lúc đợi K đem bia đến, N tiếp tục buộc chị Hồng T trả nợ, P cũng hứa theo khuyên chị Hồng T trả nợ thì chị Hồng T nói bạn của chị Hồng T là chị Trần Thị Thanh Nh đã đồng ý cho chị Hồng T mượn 30.000.000 đồng để trả nợ và nhờ N nói H giảm số tiền phải trả từ 50.000.000

đồng xuống chỉ còn 30.000.000 đồng. N hỏi ý H thì H đồng ý nên N điện thoại cho chị Nh bảo đem tiền đến trả nợ cho chị Hồng T. Thấy N yêu cầu trả nợ số tiền lớn nên chị Nh không đồng ý trả nợ giúp chị Hồng T. Khoảng 21 giờ cùng ngày, K đem bia đến thì N bảo K ở lại canh giữ chị Hồng T còn N, P về tắm rửa rồi đi mua mồi đến nhậu. Khoảng 22 giờ cùng ngày, N, P quay lại chòi nhậu và canh giữ chị Hồng T để K đi về phụ quán bán bún cho Nguyễn Như Thùy T ở trước cổng Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định. Khoảng 00 giờ 10 phút ngày 09/4/2019, N tiếp tục điện thoại bảo K mua thêm bia đem đến nhậu. K mua bia và rửa thêm Đ, Trần Minh Tr cùng đi đến nhậu với N, P. Tại đây, nhóm N đã kể lại việc bắt, giữ chị Hồng T để đòi nợ cho Tr nghe. Đến khoảng 03 giờ cùng ngày, N nói với Đ, K, Tr ngủ lại để canh giữ chị Hồng T còn N, P đi về. Khoảng 9 giờ 30 phút cùng ngày, K, Đ đi về, còn Tr ở lại canh giữ chị Hồng T. Khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, N quay lại chòi canh giữ chị Hồng T để Tr về phụ bán cho Thùy T. Trong lúc canh giữ chị Hồng T, N khuyên chị Hồng T không nên bỏ trốn mà tiếp tục đi làm tiếp viên karaoke dưới sự quản lý của N để lấy tiền trả nợ cho vợ chồng H và chị Hồng T đồng ý. N báo lại cho H biết thì H cũng đồng ý nên khoảng 16 giờ cùng ngày, N gọi điện bảo P đến chòi của bà Yến chờ N, chị Hồng T về phòng trọ của N để chị Hồng T ở cùng nhóm N và tiếp tục làm tiếp viên karaoke dưới sự quản lý của N.

Ngày 10/4/2019, thấy chị Hồng T chưa về nhà nên ông B đến Công an phường Ngô Mây, thành phố Q báo cáo sự việc chị Hồng T bị bắt, giữ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Q đã phối hợp Công an phường Ngô Mây tiến hành xác minh, đến ngày 12/4/2019 thì tìm thấy chị Hồng T tại phòng trọ của N nên đưa về trụ sở làm việc.

Chị Trần Hồng T bị Dương Thanh N, Trần Hưng H, Đỗ Thanh L, Phan L Đ, Nguyễn Như Thùy T dùng tay, chân, thau nhựa đánh đánh gây thương tích. Theo Kết luận số 210/2019/PY-TgT ngày 01/10/2019 của Tr tâm pháp y tỉnh Bình Định thì tỷ lệ tổn hại cơ thể do thương tích gây nên hiện tại của chị Hồng T là 5%. Tuy nhiên, ngày 27/11/2019, chị Trần Hồng T có đơn không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự đối với hành vi “Cố ý gây thương tích” của N, H, L, Đ, Thùy T.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 120/2020/HS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2020, Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định đã quyết định:

- Tuyên bố: Các bị cáo Dương Thanh N, Nguyễn Xuân K phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và “Cuồng đoạt tài sản”; bị cáo Phạm Trương Đại T phạm tội “Bắt người trái pháp luật”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Dương Thanh N 01 năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 3 Điều 57, Điều 58, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 55 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Dương Thanh N 03 năm tù về tội “Cuồng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội là 04 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 13/4/2019 đến ngày 09/9/2019.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân K 01 năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 3 Điều 57, Điều 58, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 55 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân K 03 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội là 04 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 13/4/2019 đến ngày 09/9/2019.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Trương Đại T 04 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần hình phạt của các bị cáo Nguyễn Như Thùy T, Trần Hưng H, Đỗ Thanh L, Phan Lâm Đ, Trần Minh Tr và Nguyễn Duy P; phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

Ngày 03/11/2020, bị cáo Phạm Trương Đại T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 13/11/2020, các bị cáo Dương Thanh N và Nguyễn Xuân K kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, các bị cáo Dương Thanh N, Nguyễn Xuân K và Phạm Trương Đại T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nói trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo Dương Thanh N, Nguyễn Xuân K và Phạm Trương Đại T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ căn cứ để xác định vụ án như sau:

Xuất phát từ việc chị Trần Hồng T nợ tiền của vợ chồng Nguyễn Như Thùy T và Trần Hưng H nhưng không trả mà còn bỏ trốn nên vợ chồng T và H đã tìm chị Hồng T để đòi nợ. Ngày 08/4/2019, khi biết thông tin về nơi ở của chị Hồng T nên Thùy T đã gọi cho Dương Thanh N rủ thêm người đi bắt chị Hồng T để đòi nợ. N đã rủ Nguyễn Xuân K, Đỗ Thanh L, Phạm Trương Đại T đến phường N, thành phố Q để tìm, khống chế bắt chị Trần Hồng T đưa về nhà của vợ chồng H để canh giữ, đòi nợ. Tại đây, Thùy T cùng H, N, K, L, Phan Lâm Đ tiếp tục đánh đập uy hiếp, khống chế giữ chị Hồng T trái pháp luật nhằm buộc trả nợ. Sau đó, N cùng K, Đ, Nguyễn Duy P, Trần Minh Tr tiếp tục khống chế đưa chị Hồng T đến nhà canh đũa tôm của bà Nguyễn Thị Yến ở tổ 33, khu vực 4, phường NB, thành phố Q rồi cùng

nhau canh giữ. Ngoài ra, trong lúc giữ chị Trần Hồng T tại nhà của vợ chồng H, Dương Thanh N và Nguyễn Xuân K còn trực tiếp đe dọa, buộc chị Trần Hồng T phải viết giấy vay mượn tiền và uy hiếp buộc chị Hồng T trả nợ 50.000.000 đồng nhằm chiếm đoạt theo sự hướng dẫn của vợ chồng T và H.

Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 120/2020/HS-ST ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Q đã xét xử các bị cáo Dương Thanh N và Nguyễn Xuân K về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” và “Cuồng đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 157 và điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự; xét xử bị cáo Phạm Trương Đại T về tội “Bắt người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy Đ của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Dương Thanh N và Nguyễn Xuân K, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Các bị cáo là người có tiền án nhưng không chấp hành, không tu dưỡng rèn luyện thành công dân tốt cho xã hội mà tiếp tục có những hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, phạm cùng lúc nhiều tội, xâm phạm quyền tự do thân thể và tài sản của người khác, gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét nhân thân các bị cáo, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt mỗi bị cáo 04 năm tù cho cả hai tội là có căn cứ, phù hợp với tính chất nguy hiểm do hành vi các bị cáo gây ra, đủ sức răn đe giáo dục và cải tạo các bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo Dương Thanh N và Nguyễn Xuân K không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào khác; do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo Dương Thanh N và Nguyễn Xuân K.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Phạm Trương Đại T, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Tuy không liên quan đến việc vay nợ giữa chị Hồng T và vợ chồng T và H nhưng Phạm Trương Đại T đã giúp sức tích cực cho các bị cáo T và H thực hiện việc bắt người trái pháp luật, xâm phạm đến quyền tự do thân thể của người khác. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo 04 tháng tù là đã dưới mức khởi điểm của khung hình phạt, phù hợp với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo cũng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào khác nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Phạm Trương Đại T.

[4] Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì các bị cáo Dương Thanh N, Nguyễn Xuân K và Phạm Trương Đại T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Tại phần áp dụng điều luật đối với các bị cáo trong nội dung phần quyết định của bản án, Tòa án cấp sơ thẩm trình bày văn bản không đúng theo biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP ngày 19/9/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; đề nghị rút kinh nghiệm trong những lần xét xử tiếp theo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Dương Thanh N, Nguyễn Xuân K và Phạm Trương Đại T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm d khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 3 Điều 57; Điều 58 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Thanh N 01 (*Một*) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”; 03 (*Ba*) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Dương Thanh N phải chấp hành phạt chung của hai tội là 04 (*Bốn*) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 13/4/2019 đến ngày 09/9/2019.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm d khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 3 Điều 57; Điều 58 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân K 01 (*Một*) năm tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”; 03 (*Ba*) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Xuân K phải chấp hành phạt chung của hai tội là 04 (*Bốn*) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ đi thời gian tạm giam từ ngày 13/4/2019 đến ngày 09/9/2019.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 157; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Trương Đại T 04 (*Bốn*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

4. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Dương Thanh N, Nguyễn Xuân K và Phạm Trương Đại T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*).

5. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1.TANDTC;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TA, VKS, CQĐT Công an TP.Q;
- Cơ quan THAHS Công an TP.Q;
- Chi cục THADS TP.Q;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;
- Cơ quan HSNV Công an tỉnh Bình Định;
- Các bị cáo;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Thường